

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16/09/2024

V/v “Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Sỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Minh Đức

2. Ông Võ Hoàng

-Thư ký phiên tòa: Bà Phan Minh Chiến – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:
Bà Trịnh Thị Mỹ Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024 tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 07/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 07 năm 2024 về “Ly hôn, nuôi con chung”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 09 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị Hoàng K; địa chỉ: Đường P, tổ dân phố B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Trần Thanh T; địa chỉ thường trú: Ấp Đ, xã Đ, huyện T, Thành phố Cần Thơ; hiện đang cư trú tại: Ngõ B, số nhà A, đường H, khu vực thành thị Dặm phía Nam, Đài Loan (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Thanh H, bà Phan Thị Hồng T1; địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn chị Phan Thị Hoàng K trình bày.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T sống chung từ năm 2012 đến năm 2019. Việc sống chung là tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ từ ngày 13/7/2012. Sau khi kết hôn thì cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vào năm 2019 anh T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan cho đến nay còn chị ở lại Việt nam, từ đó vợ

chồng không gặp nhau và đã xảy ra nhiều mâu thuẫn và bất đồng về quan điểm sống, xa cách về mặt địa lý nên giữa chị và anh T không còn tình cảm với nhau. Chị và anh T cũng đã nhiều lần nói chuyện và hoà giải nhưng không tìm được tiếng nói chung. Anh, chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2019 đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Chị nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

Nay chị yêu cầu ly hôn với anh Trần Thanh T.

1.2. Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh chị có một con chung là cháu Trần Phan Ngọc V, sinh ngày 05/7/2013 chị yêu cầu giao cho anh T nuôi dưỡng. Trong thời gian anh T đang ở Đài Loan, thì giao cháu Trần Phan Ngọc V cho cha mẹ của anh T là ông Trần Thanh H (sinh năm 1957) và bà Phan Thị Hồng T1 (sinh năm 1959), cùng địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ, được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng vì từ nhỏ và hiện nay cháu V vẫn đang sống với ông bà nội. Khi nào anh T về Việt Nam thì ông H, bà T1 gửi con lại cho anh T nuôi dưỡng.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

1.4. Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: Anh, chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị K có đơn xin xét xử vắng mặt và đơn xin rút ngắn thời gian giải quyết vụ án.

2. Tại bản tự khai bị đơn anh Trần Thanh T trình bày:

2.1. Về Hôn nhân: Anh và chị K đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ từ ngày 13/7/2012. Sau khi kết hôn thì cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vào năm 2019 anh đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan cho đến nay do đó tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn phát sinh, mục đích hôn nhân không đạt được.

Anh đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị Hoàng K.

2.2. Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh, chị có một con chung là cháu Trần Phan Ngọc V, sinh ngày 05/7/2013. Anh đồng ý nuôi dưỡng cháu Trần Phan Ngọc V. Tuy nhiên, trong thời gian anh đang ở Đài Loan, đề nghị Tòa án chấp thuận cho anh được giao cháu Trần Phan Ngọc V cho cha mẹ ruột của anh là ông Trần Thanh H (sinh năm 1957) và bà Phan Thị Hồng T1 (sinh năm 1959) được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Trần Phan Ngọc V, hiện tại cháu vẫn đang sinh sống với ông bà nội là ông Trần Thanh H và bà Phan Thị Hồng T1 tại ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ. Khi nào anh về lại Việt Nam anh sẽ trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Trần Phan Ngọc V.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T2 không yêu cầu chị K phải cấp dưỡng nuôi con.

2.4. Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: Anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T2 đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và có đơn xin rút ngắn thời gian giải quyết vụ án.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Trần Thanh H, bà Phan Thị Hồng T1 trình bày:

Ông, bà là cha, mẹ của bị đơn anh Trần Thanh T; là ông bà nội của cháu Trần Phan Ngọc V. Khi anh T sang Đài Loan sinh sống và làm việc thì cháu V vẫn luôn được vợ chồng ông, bà chăm sóc và nuôi dưỡng. Còn chị K ở xa không có điều kiện chăm sóc cháu V nên ông bà đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V cho đến khi anh Trần Thanh T về lại Việt Nam và giao cháu V lại cho anh T.

4. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai có ý kiến như sau:

Về trình tự, thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết vụ án cũng như trình tự phiên tòa. Đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

-Về hôn nhân: Chị Phan Thị Hoàng K được ly hôn với anh Trần Thanh T.

-Về con chung: Giao cháu Trần Phan Ngọc V cho anh Trần Thanh T nuôi dưỡng (hiện cháu V đang sống chung với ông bà nội là ông Trần Thanh H, bà Phan Thị Hồng T1 nên tạm giao cháu V cho ông H, bà T1 tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu V cho đến khi anh T về Việt Nam với cháu V)

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Anh Trần Thanh T hiện đang cư trú, làm việc tại Đài Loan, còn chị Phan Thị Hoàng K đăng ký hộ khẩu thường trú tại đường P, tổ dân phố B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Anh chị thống nhất lựa chọn Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết vụ án và chị K có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con chung với anh T, nên đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung có yếu tố nước ngoài theo quy định tại khoản 25 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh

Gia Lai quy định tại điểm a khoản 2 Điều 38 và điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án anh chị K, anh T, ông H, bà T1 đều có đơn xin xét xử vắng mặt, đơn xin rút ngắn thời gian giải quyết vụ án, đề nghị không tham gia hòa giải và công khai chứng cứ. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai không mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Hội đồng xét xử sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị K và anh T kết hôn năm 2012 trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 13/7/2012. Như vậy, chị K và anh T đã xác lập quan hệ vợ chồng theo qui định của pháp luật về hôn nhân và gia đình.

Sau khi kết hôn chị K và anh T sống với nhau trong một thời gian. Sau đó, anh T chuyển sang sinh sống, làm việc ở Đài Loan cho đến nay. Chị K và anh T sống cách xa nhau nên không có điều kiện gần gũi, chăm sóc, động viên nhau trong cuộc sống nên tình cảm phai nhạt dần. Vì vậy, khi chị K có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh T cũng đồng ý, chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa chị K và anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị K.

2.2. Về con chung: Chị Phan Thị Hoàng K và anh Trần Thanh T có một con chung là cháu Trần Phan Ngọc V, sinh ngày 05/7/2013. Nay ly hôn chị K và anh T thỏa thuận: Anh Trần Thanh T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Phan Ngọc V cho đến khi cháu Trần Phan Ngọc V thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Do anh T đang ở nước ngoài nên anh T, chị K và cha mẹ của anh T đồng ý giao cháu V cho cha, mẹ anh T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu V. Xét, cháu V khi còn nhỏ và hiện nay vẫn đang ở với ông H, bà T1 để đảm bảo cuộc sống ổn định của cháu V cũng như thỏa thuận của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Tòa án xét thấy trong thời gian anh T còn ở Đài Loan giao cháu V cho ông H, bà T1 tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu V cho đến khi anh T về Việt Nam với cháu V.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Thanh T không yêu cầu chị Phan Thị Hoàng K phải cấp dưỡng nên Tòa án không xét.

2.4. Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự trình bày, họ tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Chị Phan Thị Hoàng K phải chịu án phí dân sự (về Hôn nhân gia đình) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Điều luật áp dụng.

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 38, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, điểm d khoản 1 Điều 469, Điều 477, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 25 Điều 3, Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116; Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Hoàng K.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Hoàng K được ly hôn với anh Trần Thanh T.

2.2. Về con chung: Giao cháu Trần Phan Ngọc V, sinh ngày 05/7/2013 cho anh Trần Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Trần Phan Ngọc V thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Tạm giao cháu Trần Phan Ngọc V cho ông Trần Thanh H, bà Phan Thị Hồng T1 trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi anh Trần Thanh T về Việt Nam thì ông H, bà T1 giao cháu V cho anh T nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng cho con.

3. Về án phí: Chị Phan Thị Hoàng K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

0000133 ngày 26-07-2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai; chị Phan Thị Hoàng K đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền kháng cáo vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo quy định

Riêng đương sự ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa, thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- UBND xã T;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa HN-CTN, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Sỹ